

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2017/HSPT
Ngày: 23.11.2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Trinh**

- *Các Thẩm phán:* 1/ Ông **Thái Quang Hải**

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim Phụng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trương Thị Minh Thư** -
Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên
tòa:* Ông **Bùi Trung Nam** - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 204/2017/HSPT ngày 16-10-2017. Do có kháng cáo của các bị cáo Phan Thanh S và Nguyễn Lâm Ngọc Q đối với bản án sơ thẩm số 182/2017/HSST ngày 7-9-2017 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Bị cáo kháng cáo:

1. Phan Thanh S, sinh năm: 1989.

Trú tại: 16 ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: làm thuê, thợ điện lạnh;

Con ông: Phan Văn M

và bà: Nguyễn Thị Bé H.

Tiền án: Ngày 7-9-2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xử phạt 9 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong ngày 16-4-2013.

Bản án trước: Ngày 18-5-2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong ngày 27-4-2017.

Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt.

2. Nguyễn Lâm Ngọc Q (B), sinh năm: 1986.

Trú tại: 313 đường B, khu vực 6, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ.

Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: Buôn bán;

Con ông: Nguyễn Văn U và bà: Lâm Thanh O.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo.

NHẬN THẤY

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thanh S và Phạm Hoài K là bạn với nhau. Ngày 18-2-2016 K mượn xe mô tô biển số 63B2-052.39 của Nguyễn Thị Thùy D, để chở S đến Cần Thơ. S hứa sẽ lấy tiền, trả cho K.

Khoảng 9 giờ ngày 19-2-2016, trong lúc uống cà phê tại quán Quyển Luyến 3 (tại số 258B đường E, phường A, quận J, thành phố Cần Thơ), S mượn xe mô tô của K, nói rằng để đi rước bạn. Sau khi lấy xe đi, S gọi điện thoại cho K, nói rằng xe đã bị Cảnh sát giao thông giữ và kêu K giao giấy tờ xe cho một người chạy xe mô tô chở khách (do S thuê) để mang tới cho S. Sau khi có giấy tờ, S mang xe tới tiệm cầm đồ G-số 6 đường U, phường Q, quận J, thành phố Cần Thơ. S cầm xe cho Lê Trung P với số tiền 11.000.000 đồng. Đến ngày 21-2-2016 S bán luôn xe và lấy thêm 1.100.000 đồng.

Trong thời gian này S nói dối với K để kéo dài thời gian. Đến ngày 24-2-2016 S nói với K rằng đã cầm xe với số tiền 7.000.000 đồng và kêu K cho mượn 3.000.000 đồng cho đủ tiền chuộc lại xe.

Ngày 25-2-2016 S bàn bạc với Nguyễn Lâm Ngọc Q, để cho Q đến gặp K, lấy tiền, tìm cách bỏ K lại, rồi mang tiền bỏ trốn. Q đã thực hiện theo kế hoạch. K đã trình báo với Công an phường A để theo dõi và bắt giữ được Q, cùng với số tiền 2.700.000 đồng nhận từ K.

Ông P đã bán xe cho người khác và đã bị Công an quận J phạt hành chính (BL 100-101).

Theo kết quả định giá thì xe mô tô biển số 63B2-052.39 có giá là 22.200.000 đồng.

Tại bản án số 182/2017/HSST ngày 7-9-2017 Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; Điều 20; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phan Thanh S 02 năm tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; Điều 20; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Lâm Ngọc Q 06 tháng tù.

Ngoài ra, còn có các quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 15-9-2017 bị cáo S kháng cáo, xin giảm mức hình phạt; bị cáo Q kháng cáo, xin hưởng án treo.

Căn cứ kết quả thẩm tra các tài liệu và chứng cứ tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo S vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có đơn rút kháng cáo.

Kiểm sát viên nhận định các bị cáo đã nhận được thông báo về việc xét xử phúc thẩm. Bị cáo S vắng mặt không có lý do chính đáng. Nên đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo này. Nhận định bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S là thiếu sót, áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Q là không phù hợp. Mức hình phạt đã tuyên là nhẹ, do không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng, nên đề nghị giữ nguyên.

Đối chiếu các chứng cứ thấy rằng quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của pháp luật. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo đều đã quen biết với người bị hại, nhưng vì tham lam và coi thường thành quả lao động của người bị hại, mà đã câu kết với nhau, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của người bị hại. Bị cáo Q đã bị bắt quả tang khi đang tìm cách trốn tránh. Tuy rằng số tiền chiếm đoạt là 2.700.000 đồng nhưng vụ án có đồng phạm, có bàn bạc kế hoạch tỉ mỉ, thủ đoạn gian xảo. Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo là không phù hợp và có lợi cho bị cáo.

Bị cáo S phạm tội lần này là tái phạm. Trong vụ án này bị cáo phạm tội 2 lần. Đã chiếm đoạt xe mô tô rồi, vẫn chưa thỏa mãn lòng tham, còn muốn chiếm đoạt thêm 3.000.000 đồng nữa. Bản thân bị cáo đã phải chấp hành 2 bản án phạt tù giam cũng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo là thiếu sót và có lợi cho bị cáo. Mức hình phạt đã tuyên như vậy là nhẹ.

Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo như kết luận của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm (có điều chỉnh điều luật áp dụng).

Tuyên bố các bị cáo Phan Thanh S và Nguyễn Lâm Ngọc Q phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46, các Điều 20 và 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Phan Thanh S 02 (hai) năm tù.**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20 và 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Lâm Ngọc Q 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn tù đối với các bị cáo, tính từ ngày bắt đầu chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Trường hợp chậm thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự. Nếu chậm thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Viện KSND TPCT;
- Sở tư pháp TPCT;
- Công an TPCT;
- Trại tạm giam CA – TPCT;
- Cơ quan tổ tụng quận Ninh Kiều;
- Bị cáo và những người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Trinh